

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công

Phố Thành Công, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công
Phố Thành Công, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Bích Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên
Ông Vũ Quốc Anh	Thành viên
Ông Phan Xuân Thắng	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Bà Dương Thùy Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Bà Lưu Thị Việt Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Anh	Giám đốc
Ông Đào Việt Phương	Phó Giám đốc
Ông Đào Quang Ngọc	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ

Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công
Phố Thành Công, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Việt Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Số: 057 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2026-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.927.209.325	62.033.663.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.625.362.581	8.865.491.154
1. Tiền	111		4.625.362.581	7.865.491.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	32.800.000.000	29.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.800.000.000	29.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.789.537.829	21.929.066.473
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.834.526.788	19.208.955.868
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	899.045.032	4.950.865.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.357.191.138	2.070.470.133
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.301.225.129)	(4.301.225.128)
IV. Hàng tồn kho	140	11	109.865.275	945.071.611
1. Hàng tồn kho	141		109.865.275	945.071.611
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		602.443.640	494.034.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	602.224.545	493.154.104
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	219.095	880.550
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.290.788.919	10.734.314.828
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.074.000	32.074.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	32.074.000	32.074.000
II. Tài sản cố định	220		8.803.061.764	9.665.943.568
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	8.803.061.764	9.665.943.568
- Nguyên giá	222		18.729.555.344	18.640.785.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.926.493.580)	(8.974.841.776)
III. Tài sản dài hạn khác	260		455.653.155	1.036.297.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	455.653.155	1.036.297.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		66.217.998.244	72.767.978.720

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.608.148.588	24.049.459.237
I. Nợ ngắn hạn	310		17.608.148.588	24.049.459.237
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.509.317.718	6.289.305.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.138.698.310	3.831.810.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.888.413.943	2.085.208.659
4. Phải trả người lao động	314		7.368.179.698	5.766.132.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.280.128.489	1.739.065.782
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.000.000	181.734.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.101.189.831	3.859.923.080
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		277.220.599	296.279.984
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.609.849.656	48.718.519.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	48.609.849.656	48.718.519.483
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.352.900.000	42.352.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.352.900.000	42.352.900.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		768.706.048	768.706.048
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		448.600.139	448.600.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.039.643.469	5.148.313.296
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.141.159.014	1.022.164.751
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.898.484.455	4.126.148.545
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		66.217.998.244	72.767.978.720



Nguyễn Việt Anh
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Lan
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	72.765.527.922	102.203.576.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		72.765.527.922	102.203.576.086
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	52.011.964.848	80.653.709.882
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.753.563.074	21.549.866.204
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.786.394.751	1.849.650.889
7. Chi phí bán hàng	25	24	233.990.653	327.384.175
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	17.397.139.559	17.877.716.131
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		4.908.827.613	5.194.416.787
10. Thu nhập khác	31		-	36.400
11. Chi phí khác	32		3.737.635	614.005
12. (Lỗ)/Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(3.737.635)	(577.605)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.905.089.978	5.193.839.182
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	1.006.605.523	1.067.690.637
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		3.898.484.455	4.126.148.545
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	920	828



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.905.089.978	5.193.839.182
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	951.651.804	995.806.547
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.786.394.751)	(1.849.650.889)
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.070.347.031	4.339.994.840
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	3.403.083.269	(5.951.792.345)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	835.206.336	(705.675.388)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.439.138.100)	(468.230.739)
- (Tăng) chi phí trả trước	12	471.573.664	(242.930.125)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.067.690.637)	(1.268.946.889)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(637.981.667)	(614.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	635.399.896	(4.912.085.646)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(88.770.000)	(275.090.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.591.747.945)	(16.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.591.747.945	21.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.523.501.581	3.025.599.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.565.268.419)	7.750.509.400
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.310.260.050)	(3.449.989.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.310.260.050)	(3.449.989.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.240.128.573)	(611.565.746)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	8.865.491.154	9.477.056.900
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.625.362.581	8.865.491.154



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 8 năm 2022.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 14 khu văn phòng, Tòa nhà C1 Thành Công, Phố Thành Công, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 68 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 81 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. Chi tiết: Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera); Các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: Máy tính, mạng vi tính, thiết bị viễn thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu; tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa và cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có 01 một đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí, địa chỉ tại Tầng 11, Tòa nhà Victory, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đơn vị trực thuộc tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty. Doanh thu - Chi phí và số dư giữa đơn vị trực thuộc và văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công nợ tài chính: ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí Bảo hiểm con người thể hiện chi phí phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí bảo trì, sửa chữa hệ thống thể hiện chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng;
- Chi phí thuê mặt bằng IBS thể hiện chi phí thuê trả trước cho diện tích văn phòng, mặt bằng Công ty đang sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các trang thiết bị máy tính, điện thoại di động, điện thoại bàn lập trình,... phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng phân bổ từ 1 năm đến 2 năm;
- Phí sử dụng phần mềm Microsoft thể hiện quyền sử dụng phần mềm, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, phù hợp với thời hạn sử dụng của phần mềm.
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, phù hợp với thời hạn sử dụng của từng khoản chi phí.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	30.261.173	14.815.970
Tiền gửi ngân hàng	4.595.101.408	7.850.675.184
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Cộng	<u>4.625.362.581</u>	<u>8.865.491.154</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	32.800.000.000	32.800.000.000	29.800.000.000	29.800.000.000

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 7%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>967.184.074</u>	<u>3.084.962.622</u>
Công ty Cổ phần Vinaconex 39 (i)	790.746.600	790.746.600
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Ban quản lý dự án chuyên ngành Điện	-	730.950.000
Trung tâm Mạng lưới Khí Tượng Thủy văn Quốc gia	-	1.005.150.000
Các đối tượng khác	176.437.474	558.116.022
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	<u>18.867.342.714</u>	<u>16.123.993.246</u>
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	17.002.932.580	9.860.212.592
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (ii)	1.864.410.134	1.864.410.134
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	4.399.370.520
Cộng	<u>19.834.526.788</u>	<u>19.208.955.868</u>

Ghi chú:

- (i) Phải thu Công ty Cổ phần Vinaconex 39 theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho Khách sạn Lam Kinh là 790.746.600 VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền tương ứng.
- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng “Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc” là 1.864.410.134 VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	899.045.032	4.950.865.600
Công ty Cổ phần Công nghệ Hà Phương	-	2.950.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Savitec Việt Nam	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư NDQ Việt Nam	-	444.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CN Quốc gia ADG	-	440.317.350
Công ty Cổ phần Công nghệ số Newtech Hà Nội	-	312.000.000
Công ty TNHH TS Energy và Technology	665.545.032	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Thương Mại Việt Á	181.440.000	-
Các đối tượng khác	52.060.000	203.948.250
Cộng	899.045.032	4.950.865.600

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.357.191.138	2.070.470.133
Tạm ứng	205.346.685	89.770.905
Lãi dự thu	505.776.058	334.630.833
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Bên liên quan (i)	1.646.068.395	1.646.068.395
b) Dài hạn	32.074.000	32.074.000
Ký cược, ký quỹ (ii)	32.074.000	32.074.000
Cộng	2.389.265.138	2.102.544.133

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư phải thu Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi khoản phải thu này và quyết định trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 1.646.068.395 VND.
- (ii) Là các khoản ký quỹ, ký cược bảo lãnh thực hiện các hợp đồng và thuê văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
	VND		VND	VND		VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.134	14 năm	-	1.864.410.133	13 năm	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	790.746.600	14 năm	-	790.746.600	13 năm	-
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Bên liên quan	1.646.068.395	10 năm	-	1.646.068.395	9 năm	-
Cộng	4.301.225.129		-	4.301.225.128		-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.865.275	-	945.071.611	-
Cộng	109.865.275	-	945.071.611	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	602.224.545	493.154.104
Chi phí bảo hiểm con người	70.053.600	82.416.000
Chi phí thuê mặt bằng IBS	44.299.090	42.189.578
Cước phí IOFFICE và FTTH	9.600.000	162.500.000
Sửa chữa, thay thế trang thiết bị	227.675.000	-
Phí sử dụng phần mềm Microsoft	63.658.500	72.900.000
Công cụ dụng cụ	57.372.291	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.566.064	133.148.526
b) Dài hạn	455.653.155	1.036.297.260
Công cụ dụng cụ	99.900.377	302.298.926
Chi phí bảo trì, sửa chữa	234.108.333	515.038.334
Phí sử dụng phần mềm Base	121.644.444	218.960.000
Cộng	1.057.877.700	1.529.451.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	10.692.097.841	4.465.411.831	1.557.872.728	1.925.402.944	18.640.785.344
Mua trong năm	-	88.770.000	-	-	88.770.000
Số dư cuối năm	10.692.097.841	4.554.181.831	1.557.872.728	1.925.402.944	18.729.555.344
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.782.016.306	4.129.247.130	1.557.872.728	1.505.705.612	8.974.841.776
Khấu hao trong năm	427.683.912	154.720.556	-	369.247.336	951.651.804
Số dư cuối năm	2.209.700.218	4.283.967.686	1.557.872.728	1.874.952.948	9.926.493.580
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.910.081.535	336.164.701	-	419.697.332	9.665.943.568
Tại ngày cuối năm	8.482.397.623	270.214.145	-	50.449.996	8.803.061.764

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày cuối năm là 9.275.525.053 VND (Tại ngày đầu năm là 7.331.237.139 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.509.317.718	1.509.317.718	6.289.305.204	6.289.305.204
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	229.758.909	229.758.909	-	-
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn giáo dục Việt Úc	233.290.000	233.290.000	-	-
Công ty CP Công nghệ Hồng Hải	180.000.000	180.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiên Hoàng	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Bò Công Anh Sài Gòn	-	-	748.229.000	748.229.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ NGS	-	-	690.904.881	690.904.881
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ SDIC	-	-	476.000.000	476.000.000
Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	-	-	447.391.193	447.391.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông Hà Nội	-	-	387.854.000	387.854.000
Công ty TNHH Phần mềm chuyên đổi số Bright Sign	-	-	340.000.000	340.000.000
Các đối tượng khác	866.268.809	866.268.809	2.198.926.130	2.198.926.130
Cộng	1.509.317.718	1.509.317.718	6.289.305.204	6.289.305.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	3.276.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thiên Hoàng	-	3.000.000.000
Các đối tượng khác	-	276.000.000
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	1.138.698.310	555.810.200
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	456.287.700
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.138.698.310	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	-	99.522.500
Cộng	1.138.698.310	3.831.810.200

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	880.550	661.455	-	219.095
Cộng	880.550	661.455	-	219.095
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	625.139.195	3.382.150.245	3.284.404.384	722.885.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.091.203.420	1.006.605.523	1.067.690.637	1.030.118.306
Thuế thu nhập cá nhân	368.726.574	749.723.904	983.560.180	134.890.298
Thuế, phí khác	139.470	35.554.929	35.174.116	520.283
Cộng	2.085.208.659	5.174.034.601	5.370.829.317	1.888.413.943

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước giá trị sàn văn phòng C1 Thành Công	506.545.456	506.545.456
Chi phí tạm tính giá vốn hàng hóa, dịch vụ	773.583.033	1.232.520.326
Cộng	1.280.128.489	1.739.065.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	639.642.717	466.211.966
Kinh phí công đoàn	285.584.709	183.246.939
Bảo hiểm xã hội	39.410.393	40.259.993
Bảo hiểm y tế	3.198.555	4.364.955
Bảo hiểm thất nghiệp	1.904.197	2.398.297
Các khoản phải trả, phải nộp khác	309.544.863	235.941.782
b) Phải trả khác là các bên liên quan	3.461.547.114	3.393.711.114
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (i)	460.896.000	518.508.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (i)	288.000.000	324.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (i)	401.448.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (i)	1.756.800.000	1.976.400.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (i)	403.200.000	453.600.000
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc Gia Việt Nam	145.203.114	115.203.114
Phải trả khác	6.000.000	6.000.000
Cộng	4.101.189.831	3.859.923.080

Ghi chú:

- (i) Là cổ tức phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025. Tại thời điểm chi trả cổ tức sẽ căn cứ vào cổ đông hiện hữu theo danh sách tại thời điểm đó.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	5.558.536.782	49.128.742.969
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.126.148.545	4.126.148.545
Phân phối các quỹ	-	-	-	(724.611.031)	(724.611.031)
Trả cổ tức	-	-	-	(3.811.761.000)	(3.811.761.000)
Số dư đầu năm nay	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	5.148.313.296	48.718.519.483
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.898.484.455	3.898.484.455
Phân phối các quỹ	-	-	-	(618.922.282)	(618.922.282)
Trả cổ tức	-	-	-	(3.388.232.000)	(3.388.232.000)
Số dư cuối năm nay	42.352.900.000	768.706.048	448.600.139	5.039.643.469	48.609.849.656

Ghi chú:

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận phát sinh lũy kế tới năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/NQ-PAIC-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, cụ thể:

- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi: 618.922.282 VND;
- Chi trả cổ tức cho cổ đông: 3.388.232.000 VND (Trong năm, Công ty đã thực thanh toán cổ tức cho các cổ đông là 3.310.260.050 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.235.290	4.235.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.235.290	4.235.290
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035042 thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 8 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 42.352.900.000 VND, tương đương 4.235.290 cổ phần (mệnh giá 10.000VND/cổ phần). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận</u>		<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>đăng ký kinh doanh</u>		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	21.960.000.000	51,85%	21.960.000.000	21.960.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	5.761.200.000	13,60%	5.761.200.000	5.761.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.040.000.000	11,90%	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.018.100.000	11,85%	5.018.100.000	5.018.100.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	3.600.000.000	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Cổ đông khác	973.600.000	2,30%	973.600.000	973.600.000
Cộng	42.352.900.000	100%	42.352.900.000	42.352.900.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.765.527.922	102.203.576.086
Trong đó:		
- <i>Doanh thu bán hàng</i>	15.697.709.562	29.569.844.099
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	57.067.818.360	72.633.731.987
Cộng	72.765.527.922	102.203.576.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

Trong đó, bán hàng cho các đối tượng là bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	46.778.080.125	58.482.642.140
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam	-	1.864.500.000
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	566.650.000	8.574.892.000
Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	8.429.766.000	625.066.000
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.478.516.000	716.800.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	979.510.000	880.025.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	121.500.000
Cộng	<u>58.232.522.125</u>	<u>71.265.425.140</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.027.598.675	29.071.248.623
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.984.366.173	51.582.461.259
Cộng	<u>52.011.964.848</u>	<u>80.653.709.882</u>

Trong đó, bán hàng cho các đối tượng là bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	44.868.744	76.562.150
Cộng	<u>44.868.744</u>	<u>76.562.150</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	724.823.330	1.836.145.607
Chi phí nhân công	25.444.826.861	30.871.585.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	951.651.804	995.806.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.278.670.520	35.002.205.325
Chi phí khác bằng tiền	2.380.317.534	1.880.980.554
Cộng	<u>53.780.290.049</u>	<u>70.586.724.014</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.786.394.751	1.849.650.889
Cộng	<u>1.786.394.751</u>	<u>1.849.650.889</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	11.177.187.710	11.523.894.140
Chi phí đồ dùng văn phòng	724.823.330	614.260.750
Chi phí khấu hao	796.931.248	866.229.324
Thuế, phí, lệ phí	6.180.810	7.714.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.100.013.739	3.256.897.538
Chi phí khác bằng tiền	1.592.002.722	1.608.719.581
Cộng	<u>17.397.139.559</u>	<u>17.877.716.131</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.048.788	62.838.000
Chi phí khác bằng tiền	191.941.865	264.546.175
Cộng	<u>233.990.653</u>	<u>327.384.175</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.905.089.978	5.193.839.182
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	127.937.635	144.614.005
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>127.937.635</i>	<i>144.614.005</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.033.027.613	5.338.453.187
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	1.006.605.523	1.067.690.637
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>1.006.605.523</u>	<u>1.067.690.637</u>

Ghi chú:

Trong năm, Công ty đã xác định các khoản chi phí không được khấu trừ như đã trình bày ở trên khi xác định thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.898.484.455	4.126.148.545
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (i)	-	618.922.282
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.898.484.455	3.507.226.263
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.235.290	4.235.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	920	828

Ghi chú:

- (i) Trong năm 2025, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 như trình bày tại Thuyết minh số 19. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của vấn đề này (Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã trình bày là 974 VND/Cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 được xác định chưa tính tới ảnh hưởng của vấn đề này.

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch chủ yếu với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7, 9, 15, 18, 20 và 21, Công ty còn có một số giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Cổ tức chi trả

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức đã chi trả trong năm	3.673.956.000	3.360.525.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	1.976.400.000	1.756.800.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	518.508.000	460.896.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	453.600.000	403.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	401.448.000	451.629.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	324.000.000	288.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	156.200.000	144.000.000
- Bà Đỗ Thị Bích Hà - Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Việt Anh - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Ông Vũ Quốc Anh - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Ông Phan Xuân Thắng - Thành viên	24.000.000	24.000.000
- Bà Phạm Thị Mai Hương - Thành Viên	16.000.000	-
- Bà Lê Thị Việt Hà - Thành viên	16.200.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thành viên	8.000.000	12.000.000
- Bà Dương Thuỳ Dương - Thành viên	8.000.000	24.000.000
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Giám đốc	1.972.068.285	2.272.334.039
- Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc	800.572.812	923.159.459
- Ông Đào Việt Phương - Phó Giám đốc	543.504.299	625.769.847
- Ông Đào Quang Ngọc - Phó Giám đốc	627.991.174	723.404.733
Lương và các khoản phúc lợi của Ban Kiểm soát	565.380.000	647.880.000
- Ông Vũ Trường Quang - Trưởng BKS	529.380.000	623.880.000
- Bà Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên	12.000.000	12.000.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Thành viên	12.000.000	3.760.000
- Bà Nguyễn Thị Hương Lan - Thành viên	12.000.000	8.240.000
Lương và các khoản phúc lợi của người quản lý	457.901.952	539.087.134
- Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kế toán trưởng	457.901.952	539.087.134
Cổ tức đã chi trả trong năm	13.432.050	18.853.700
- Ông Nguyễn Việt Anh - Giám đốc	8.550.000	7.600.000
- Ông Đào Việt Phương - Phó Giám đốc	855.000	1.520.000
- Ông Đào Quang Ngọc - Phó Giám đốc	1.710.000	3.040.000
- Ông Vũ Trường Quang - Trưởng BKS	2.317.050	6.693.700
Cộng	3.164.982.287	3.622.154.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư:

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Không bao gồm khoản lãi tiền gửi năm 2025 nhưng chưa được thanh toán là 505.776.058 VND và đã bao gồm khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu được trong năm 2024 là 334.630.833 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính:

- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu
- Không bao gồm cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả trong năm 2025 là 3.511.429.900 VND và đã bao gồm cổ tức phải trả cho chủ sở hữu nhưng chưa trả năm 2024 là 3.433.457.950 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Việt Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Người lập biểu

